

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S- TP.HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/HS-ST
Ngày 22/12/2020

=====

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Bôn

Bà Đào Thị Đoan

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà – Cán bộ Toà án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Xiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2020/TLST - HSST ngày 23/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Phạm Ngọc Th, Sinh năm 1980; ĐKKHKT: Thôn 4, xã Dân Q, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: Số 3, ngõ 44 Trần C, phường Cổ Nh 1, quận Bắc Từ L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Ngọc S, sinh năm 1956; Con bà: Lã Thị Th, sinh năm 1958; Vợ con chưa có. Theo danh chỉ bản số 516 ngày 27/8/2020 do Công an huyện S - TP.Hà Nội lập thì bị cáo có 04 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 215 ngày 29/12/2004 của Tòa án nhân dân quận Cầu G, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 52 ngày 20/3/2007 của Tòa án nhân dân quận Cầu G, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 389 ngày 21/11/2008 của Tòa án nhân dân quận Ba Đ, TP Hà Nội xử 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 413 ngày 28/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ L, TP Hà Nội xử 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 176 ngày 18/3/2013 của Tòa án nhân dân TP Hà

Nội xử 07 năm tù về tội Cướp tài sản; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 26/8/2020; Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Trần Trung T, sinh năm 1970; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 25, xã Mai Đ, huyện S, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn V (đã chết) và con bà: Trần Thị S, sinh năm 1949; Vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn); Con: Có 02, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; Theo danh chỉ bản số 517 lập ngày 27/8/2020 tại Công an huyện S thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 168 ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân TP Biên H, tỉnh Đồng Nai xử 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2020. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Dục Th, xã Tiên D, huyện S, TP Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/08/2020, Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, trú tại thôn Dục Th, xã Tiên D, huyện S, TP Hà Nội sử dụng điện thoại số thuê bao 0857555576 gọi đến số thuê bao 0379131347 của Phạm Ngọc Th, sinh 1980, trú tại số 3, ngõ 44 Trần C, phường Cổ Nh 1, quận Bắc Từ L, TP Hà Nội đặt vấn đề mua “một hộp 5 ma túy đá”, Th đồng ý bán với giá là 2.600.000 đồng và hẹn địa điểm giao nhận tại khu vực gần cổng nhà máy gạch thuộc thôn Nội Ph, xã Mai Đ, huyện S, TP Hà Nội. Th đi xe máy BKS: 29K5 - 7658 đến điểm hẹn trước, lấy ma túy để vào trong một vỏ hộp sữa màu trắng hồng rồi giấu ở ven đường (cách cổng nhà máy gạch khoảng 20m) và đi về khu vực gần cầu chui đường 18 rồi gọi điện đến số thuê bao 0583181327 của T bảo T đi đến khu vực cổng nhà máy gạch trên gặp H để nhận số tiền 2.600.000 đồng của H nhưng chưa nói cho Tuyến biết là tiền bán ma túy cho H. T đồng ý và gọi điện cho H hẹn đến nhà nghỉ Bình A, thuộc thôn Mai N, xã Mai Đ, huyện S. Đến điểm hẹn, H hỏi T “hàng đâu” thì lúc này T mới hiểu Th nhờ mình đi lấy tiền bán ma túy cho H. T gọi điện cho Th, Th bảo T dẫn H lên đoạn cổng nhà máy gạch thuộc thôn Nội Ph, xã Mai Đ, cách cổng khoảng 20m sẽ có “đồ” (T hiểu “đồ” là ma túy). H và T đi đến địa điểm Th chỉ, tại đây T yêu cầu H đưa tiền trước rồi mới chỉ chỗ

giấu ma túy cho H. H không thấy ma túy nên không giao tiền cho T và bỏ đi. Ngay sau đó, Cơ quan Công an thấy T có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra đối với T và thu giữ các tang vật gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng và 01 xe máy Honda Lead màu vàng trắng sữa, BKS: 15M1 - 03715. Rà soát cách vị trí T bị kiểm tra khoảng 02m, tổ công tác phát hiện, thu giữ 01 vỏ hộp sữa màu trắng hồng bên trong chứa 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan Công an tiến hành rà soát và mời Th và H về trụ sở làm việc. Cơ quan Công an đã tạm giữ của Thịnh 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki FX màu đỏ trắng BKS: 29K5 - 7658; tạm giữ của H 01 điện thoại để phục vụ điều tra. Quá trình kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng số thuê bao 0583181327 của T, xác định chiều 25/8/2020, T có liên lạc với số thuê bao 0857555576 của H và số thuê bao 0379131347 của Th; kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen số thuê bao 0379131347 của Th xác định có liên lạc với số thuê bao 0583181327 của T và số thuê bao 0857555576 của H vào chiều ngày 25/8/2020.

Tại Kết luận giám định số 7777 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội kết luận: Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon tạm giữ của T là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 4,202 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 177/CT – VKS ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Phạm Ngọc Th về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố Trần Trung T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn H, mặc dù đã đặt vấn đề mua ma túy của Th và đến cổng nhà máy gạch để giao nhận tiền và ma túy nhưng khi gặp T, được T yêu cầu đưa tiền rồi mới giao ma túy nên H không mua ma túy nữa và bỏ đi. Do vậy, hành vi của H không cấu thành tội phạm. Công an huyện S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với H về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với số ma túy bị thu giữ, Th khai mua của một người nam giới không quen biết tại khu vực Ngã Tư S, quận Thanh X, Hà Nội với giá 2.500.000 đồng

khoảng 1 tuần trước khi bị bắt. Do Th không nhớ đặc điểm cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ.

Tại phiên toà các bị cáo Phạm Ngọc Th, Trần Trung T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi đánh giá chứng cứ, tính chất vụ án, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, kết luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trung T; Điểm q Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc Th, đề nghị xử phạt:

- Phạm Ngọc Th mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Trần Trung T mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Về tang vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ đối với 01 phong bì niêm phong ma túy và 01 vỏ hộp sữa có chữ ký của Trần Trung T và giám định viên; Tịch thu bán sung công 01 điện thoại di động tạm giữ của Trần Trung T, 01 điện thoại di động tạm giữ của Phạm Ngọc Th và 01 điện thoại di động tạm giữ của Nguyễn Văn H (có đặc điểm như biên bản tạm giữ); .

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S; Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 18 giờ 35 phút ngày 25/8/2020 tại địa phận thôn Nội Ph, xã Mai Đ, huyện S, TP Hà Nội, Phạm Ngọc Th đã có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 ở thôn Dục Th, xã Tiên D, huyện S, TP Hà Nội và nhờ Trần Trung T dẫn đến chỗ cất giấu ma túy và nhận tiền hộ. Mặc dù các bên

chưa thực hiện được việc giao ma túy và nhận tiền trên thực tế thì bị phát hiện nhưng việc thỏa thuận mua bán ma túy giữa bị cáo Th và H đã thực hiện xong thông qua điện thoại. Căn cứ vào các tang vật thu giữ được, thông qua nhật ký các cuộc gọi giữa bị cáo Th, T và anh H cũng như lời khai của các đối tượng thì xác định hành vi của Phạm Ngọc Th và Trần Trung T đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Phạm Ngọc Th: Bị cáo có 04 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 215 ngày 29/12/2004 của Tòa án nhân dân quận Cầu G, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 52 ngày 20/3/2007 của Tòa án nhân dân quận Cầu G, TP Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 389 ngày 21/11/2008 của Tòa án nhân dân quận Ba Đ, TP Hà Nội xử 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số 413 ngày 28/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ L, TP Hà Nội xử 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 176 ngày 18/3/2013 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Các bản án đều chưa được xóa án tích. Bản án hình sự sơ thẩm số 413 ngày 28/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Từ L, TP Hà Nội và bản án hình sự phúc thẩm số 176 ngày 18/3/2013 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội xử bị cáo 07 năm tù về tội Cướp tài sản với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, bị cáo chấp hành xong ngày 12/8/2018, đến ngày 25/8/2020 bị cáo lại phạm tội mới. Như vậy bị cáo phạm tội mới khi bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chưa được xóa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự, nên bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó hành vi của Phạm Ngọc Thịnh đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điểm q Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Trung T: Mặc dù lúc đầu khi được Th nhờ đi nhận tiền của anh H bị cáo không biết là đi nhận tiền gì nhưng khi đến nơi gặp H được H hỏi ‘Hàng đâu’ bị cáo hiểu hàng đâu ở đây là ma túy nhưng bị cáo vẫn tiếp tục dẫn anh H đến địa điểm nhận ma túy theo chỉ dẫn của Th. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự với vai trò giúp sức cho Th mua bán ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, tệ nạn ma túy không những tàn phá kinh tế gia đình, làm tha hoá con người, đe dọa giống nòi mà còn là nguyên nhân gây ra các tội phạm nguy hiểm khác. Do đó, việc truy tố các bị cáo ra trước pháp luật là cần thiết và cần phải có một mức án phù hợp tương xứng với tính chất và mức độ

phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm nhưng không cấu kết chặt chẽ với nhau nên không phải là phạm tội có tổ chức.

[3] *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết xem xét giảm nhẹ hình phạt theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Bị cáo Trần Trung T có mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Đối với bị cáo Phạm Ngọc Th đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích, thể hiện nhân thân xấu không chịu tu dưỡng rèn luyện, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; Bị cáo Trần Trung T có 03 tiền án, 01 tiền sự: Ngày 31/8/1998, Công an huyện Đông A, TP Hà Nội bắt về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân, đã được xóa; Ngày 08/12/2018, Công an phường Long Bình T, TP Biên H, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 92 ngày 25/10/1997 của Tòa án nhân dân huyện S, TP Hà Nội xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Do giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nên đương nhiên được xóa án tích); Bản án hình sự sơ thẩm số 39 ngày 17/5/1999 của Tòa án nhân dân huyện S, TP Hà Nội xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. (Do giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nên đương nhiên được xóa án tích); Bản án hình sự sơ thẩm số 168 ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân TP Biên H, tỉnh Đồng Nai xử 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân. Bản án chưa được xóa, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, bị cáo T phải chịu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, loại tội các bị cáo phạm phải là rất nghiêm trọng, nên cũng cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, các tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo là đối tượng nghiện, hành vi mua bán ma túy của các bị cáo nhằm lấy tiền lời để mua ma túy sử dụng. Quá trình xác minh tại địa phương cũng thể hiện

các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy BKS: 29K5 - 7658 thu giữ của Th, Th khai là xe mượn của ông Phạm Ngọc S, sinh 1956, trú tại thôn 4, xã Dân Q, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa (là bố đẻ Th). Ông S khai chiếc xe trên do ông mua ở cửa hàng xe máy cũ không nhớ địa chỉ cụ thể năm 2017 với giá 12.000.000 đồng, việc mua bán không có giấy tờ mà chỉ có đăng ký xe mang tên Nguyễn Phương A, trú tại số 11, phố Lê Ngọc H, quận Hai Bà Tr, TP Hà Nội; Khi cho Th mượn xe ông S không biết việc Th sử dụng xe đi mua bán ma túy. Kết quả tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định chiếc xe máy trên là của chị Nguyễn Phương A. Xác minh tại Công an phường Phạm Đình H, quận Hai Bà Tr được biết chị Phương A đã chuyển nhà đi nơi khác địa phương không nắm được. Do kết quả tra cứu xác định chiếc xe trên không nằm trong hệ thống tang, vật chứng, Cơ quan CSĐT - Công an huyện S đã đăng báo tìm chủ sở hữu chiếc xe trên nhưng không ai đến nhận nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện S ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho ông S là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại Iphone thu giữ của Th, quá trình điều tra xác định Th không sử dụng vào việc phạm tội, do Th đang bị tạm giam nên ủy quyền cho ông Phạm Ngọc S (là bố đẻ Th) nhận lại, vì vậy Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho ông S là phù hợp.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead BKS: 15M1 - 03715 thu giữ của T, T khai mượn của chị Nguyễn Thị H, sinh 1990, trú tại thôn Thái Ph, xã Mai Đ, huyện S, TP Hà Nội. Chị H khai nguồn gốc chiếc xe trên do chị mua ở hiệu xe cũ ở huyện Đông A, TP Hà Nội cách đây khoảng 02 năm, khi mua có giấy tờ đăng ký xe nhưng chị đã làm mất cách đây khoảng 01 năm. Kết quả tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo số khung số máy xác định xe mang BKS: 99B1 - 262.36 của ông Nguyễn Thọ C, sinh năm 1954, trú tại Phù L, Đông Ng, Từ S, Bắc Ninh. Kết quả tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo BKS xác định chủ xe là Nguyễn Phú H, trú tại TDP V, Vạn S, Đồ S, Hải Phòng. Ông C khai đã cho con trai là anh Nguyễn Dương Q, sinh 1990, trú tại số 61, đường Thành C, phường Vệ A, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh chiếc xe trên từ năm 2018. Ngày

08/11/2019, anh Q để chiếc xe trên ở nhà và đã bị kẻ gian trộm cắp. Xác minh tại Công an TP Bắc N, tỉnh Bắc Ninh, chị Đặng Minh Ph, sinh năm 1989, trú tại số 61 đường Thành C, khu 4, phường Vệ A, TP Bắc N, tỉnh Bắc Ninh (là vợ anh Q) có đến trình báo sự việc trên nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện S đã bàn giao chiếc xe trên cùng các tài liệu liên quan cho Cơ quan CSĐT - Công an TP Bắc N, tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Mobell màu xanh thu giữ của T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng vào việc phạm tội, do T đang bị tạm giam nên ủy quyền cho em họ T là chị Trịnh Thị Thu H, sinh 1982, trú tại tập thể Z117, Đông X, S, Hà Nội nhận. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc điện thoại cho chị H là phù hợp.

- Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 4,202 gam đều là ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ hộp sữa không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu đồng thu giữ của Trần Trung T, 01 điện thoại Nokia màu đen thu giữ của Phạm Ngọc Th và 01 điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn H sử dụng để liên lạc giao dịch mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phạm Ngọc Th** 07 năm 06 tháng (bảy năm sáu tháng) tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/8/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Trung T** 05 (Năm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/8/2020.

[2] Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ hộp sữa, 01 phong bì niêm phong ma túy có chữ ký của Trần Trung T và giám định viên.

- Tịch thu bán sung công 01 điện thoại di động Samsung màu đồng thu giữ của Trần Trung T, 01 điện thoại Nokia màu đen thu giữ của Phạm Ngọc Th và 01 điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn H.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện S và Chi cục thi hành án dân sự huyện S).

[3]. Về án phí, quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 136, Điều 333, 337 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND H.S;
- Công an H.S;
- THA DS H.S;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Hồng

